

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 20 - 01 - 2025

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Kim Phú.

Ông Lê Ngoan .

- Thư ký phiên tòa: Ông Kim Mộc Nam - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2024/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 223/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà P, Linh T, sinh năm 1963. Địa chỉ: A Comfray Leaf D, CA 92223, Hoa Kỳ (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lý Văn Đ, sinh năm 1981. Địa chỉ: số B, ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/9/2024 nguyên đơn bà P, Linh T trình bày: Vào năm 2021 bà và ông Đ Lý Văn Đ quen biết và đến tháng 11/2022 thì bà và ông Đ đến Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng để đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 31/2022 ngày 18/1/2022. Lúc đầu tình cảm vợ chồng rất hạnh phúc nhưng sau đó bà cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn như trước. Vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và thường xuyên cãi nhau. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà muốn giải thoát cho nhau nên bà quyết định ly hôn. Trong thời gian chung sống với nhau giữa bà và ông Đ không có con chung, không có tài sản chung và nợ.

Nay nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà P, Linh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với ông Lý Văn Đ.

Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay bà cư trú ở Hoa Kỳ bận nhiều công việc nên không thể về Việt Nam tham gia phiên tòa nên bà có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

Bị đơn ông Lý Văn Đ: đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án số 51/2024/TLST-HNGĐ ngày 23/10/2024 về việc và P, Linh T yêu cầu ly hôn với ông nhưng ông không có văn bản ý kiến gửi Tòa án; Tòa án cũng đã triệu tập ông Đ nhiều lần đến tham gia phiên họp công khai chứng cứ và ông Đ không đến tham gia nên Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập ông Đ đến tham gia phiên tòa nhưng ông Đ cũng vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện, bà P, Linh T yêu cầu được ly hôn với ông Lý Văn Đ; về nợ chung, tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà P, Linh T đang sinh sống và làm việc tại Hoa Kỳ có quốc tịch Hoa Kỳ. Còn ông Lý Văn Đ hiện nay đang sinh sống và làm việc tại Việt Nam nên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý và xác định quan hệ pháp luật để giải quyết là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có văn bản yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[1.3] Đối với bị đơn ông Lý Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần để đến tham gia phiên Tòa nhưng ông Đ vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà P, Linh T và ông Lý Văn Đ là những người có đủ điều kiện kết hôn, hai người đã tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31/2022 ngày 18/11/2022 nên quan hệ hôn nhân giữa bà P, Linh T và ông Đ là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn bà P, Linh T, ông Đ sống với nhau một khoảng thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau không còn hạnh phúc nên bà P, Linh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đ. Tòa án đã thông báo cho ông Đ biết về yêu cầu của bà P, Linh T nhưng ông Đ không có ý kiến phản

hồi đối với yêu cầu của bà P, Linh T và cũng không đến Tòa để tham gia các phiên họp, cũng như phiên tòa xét xử. Như vậy, cho thấy cuộc sống vợ chồng bà P, Linh T và ông Đ không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn, vợ chồng không muốn hàn gắn tình cảm, cũng không quan tâm nhau, mỗi người sống một nơi, mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng, tương lai không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của mỗi người nên yêu cầu khởi kiện của bà P, Linh T xin được ly hôn với ông Đ là có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà P, Linh T ly hôn với ông Lý Văn Đ.

[2.2] Về con chung: không có không đặc ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Theo lời trình bày của bà P, Linh T thì giữa hai người không có sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.5] Về án phí sơ thẩm: bà P, Linh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, điểm b khoản 1 Điều 470 và khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 56 khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tố cao hướng dẫn áp dụng một số điều của pháp luật trong giải quyết các vụ án Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà P, Linh T được ly hôn với ông Lý Văn Đ.
2. Về con chung: không có, không đặc ra xem xét.
3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.
4. Án phí sơ thẩm: Bà P, Linh T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo biên lai thu tiền 0007804, ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng. Bà P, Linh T đã nộp đủ án phí.

Ông Lý Văn Đ không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà P, L Thi cư trú ở nước ngoài và không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn **01 tháng kể từ ngày** kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm. Bị đơn ông Lý Văn Đ cư trú tại Việt Nam và không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong **15 ngày kể từ ngày** nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự (02);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng (01);
- UBND huyện Trần Đề (01);
- Lưu HSVA - Tổ HCTP (02).

(Đã Ký)

Tôn Thị Thanh Thúy